

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng
của nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật
2. Bà Lê Thị Thu Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Th, sinh năm 1973

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969

Đồng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/8/2019, biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019, biên bản hòa giải ngày 03/9/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng vợ chồng chị không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về sống chung với nhau, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi nguyên nhân là do anh T thường hay uống rượu say xỉn đánh chị nhiều lần. Trước đây, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì thương con nên chị đã rút đơn khởi kiện để

vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Nhưng từ khi quay về sống chung đến nay anh T vẫn tính nào tăt đó và ngày càng đánh đập, đối xử tệ bạc với chị nhiều hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. Hiện tại cháu Q đã có gia đình riêng còn cháu L đang sống chung với vợ chồng chị. Vì hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung. Chị có 01 con riêng tên Huỳnh Thanh P, sinh năm 1993 đã thành niên và không có liên quan gì với anh T nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết về phần con riêng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 03/9/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Th tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn như vợ anh (chị Th) đã trình bày trên. Trong thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do mỗi khi anh uống rượu say về nhà thì chị Th dùng những lời lẽ thô tục, chửi mắng anh thậm tệ. Do bức xúc, không kìm nén được bản thân nên anh có đánh chị Th. Nay chị Th xin ly hôn, anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Th vì hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Anh cũng muốn ly hôn để vợ chồng giải thoát cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. Hiện tại cháu Q đã có gia đình riêng còn cháu L đang sống chung với vợ chồng anh. Do hai con chung đều đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th có 01 con riêng là cháu Huỳnh Thanh P, sinh năm 1993, hiện tại cháu P đã thành niên, có công việc ổn định và không có liên quan gì đến anh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2019 Cán bộ Tư pháp - hộ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh B cung cấp thông tin:

Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn T không biết sống chung với nhau như vợ chồng từ thời gian nào, nhưng năm 2011 chị Th và anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B mà không đăng ký kết hôn. Đến nay chị Th và anh T chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện V, tỉnh B. Vợ chồng chị Th và anh T sinh được hai con chung là Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị L. Ngoài ra chị Th có 01 con riêng là Huỳnh Thanh P. Thời gian sống chung chị Th và anh T có mâu thuẫn gì hay không thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:**

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ

tục và thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Th và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên theo qui định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không công nhận là vợ chồng. Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. Hiện tại hai con chung đều đã trên 18 tuổi chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tài sản chung và nợ chung chị Th, anh T đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí DSST: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Không công nhận quan hệ vợ chồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo qui định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 01/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Vân Canh mở phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn chị Trương Thị Th đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; pháp luật về hộ tịch nên hôn nhân giữa chị Th và anh T không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong thời gian chung sống do anh T thường xuyên uống rượu say xỉn và đánh chị Th nhiều lần, nên vợ chồng thường hay mâu thuẫn, kinh cãi. Trước đây, chị Th đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì thương con nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng từ khi quay về sống chung đến nay, anh T vẫn không thay đổi mà ngày càng đánh đập, đối xử tệ bạc với chị nhiều hơn. Bản thân anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh mâu thuẫn nguyên nhân do anh uống say, chị Th dùng lời lẽ thô tục, xúc phạm anh trong lúc tức giận, không kèm chế được

bản thân nên anh có đánh chị Th. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T và anh T cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Th và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. Hiện tại hai con chung đều đã trên 18 tuổi, chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Th, anh T đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị Trương Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Xét các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn T

[2] Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung đều đã trên 18 tuổi, chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn T đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006898 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Duy

